

Bản án số: **96/2023/DS-ST**
Ngày: 30/9/2023
Về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hồng Hải

Ông Lê Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 196/2023/TLST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 196A ngày 05 tháng 9 năm 2023; Thông báo mở lại phiên tòa ngày 13 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Nguyễn Ái H**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: A Ông Í, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Ái H:* Ông Hồ Quang N, đại chỉ: phường H, quận H, TP . hoặc bà Nguyễn Thị H1, địa chỉ: phường P, quận H, TP.Đà Nẵng (*theo giấy uỷ quyền ngày 26/06/2023*). Ông N có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Trần Xuân A**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: K Hải Phòng, tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH Một Thành Viên M

Địa chỉ: K Hải Phòng, tổ B, phường T, quận T, thành phố Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Xuân A, sinh năm: 1975; Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/06/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Ái H là ông Hồ Quang N trình bày:

Ngày 05/6/2022, ông Trần Xuân A có mượn của ông Nguyễn Ái H số tiền 60.000.000 đồng. Ông A cam đoan đến ngày 09/6/2022 sẽ trả lại cho ông H nhưng đến nay đã hơn một năm ông A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình. Ngoài ra, ông A có thoả thuận miệng sẽ trả lãi cho ông H 3%/tháng nhưng vẫn không thực hiện. Vì vậy, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông Trần Xuân A phải có nghĩa vụ trả nợ cho ông H số tiền là 87.000.000 đồng, trong đó: nợ gốc là 60.000.000 đồng; nợ lãi tạm tính từ ngày 10/6/2022 đến ngày 26/9/2023 là: 60.000.000 đồng x 3% x 15 tháng = 27.000.000 đồng. Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của bị đơn xin thay đổi nội dung yêu cầu về tiền lãi, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết mức tiền lãi suất của số tiền gốc 60.000.000 đồng từ ngày 10/6/2022 đến 30/9/2023 theo quy định của pháp luật.

Theo giấy mượn tiền ngày 05/6/2022 thì ông A là người mượn tiền của ông H, mặc dù phía dưới bên phải của Giấy mượn tiền ở phần chữ ký của ông A được đóng dấu của Công ty TNHH Một Thành Viên M nhưng ông H khẳng định chỉ cho ông A mượn tiền, không cho Công ty M mượn tiền, con dấu này chỉ để làm tin giữa các bên. Đồng thời qua các tài liệu chứng cứ mà ông H đã nộp cho Toà án thì ông A cũng khẳng định khoản nợ này là nợ riêng của cá nhân ông A nên nguyên đơn xác định bị đơn trong vụ án này là ông Trần Xuân A.

Bị đơn ông Trần Xuân A và người Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH Một Thành Viên M đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do; không có ý kiến, văn bản phản hồi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ái H với bị đơn ông Trần Xuân A về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”: Buộc ông Trần Xuân A phải trả cho ông Nguyễn Ái H số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền nợ lãi từ ngày 10/6/2022 đến 30/9/2023 (15 tháng 20 ngày)

với mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng là 7.833.333 đồng theo quy định tại các Điều 280; 466; 468 Bộ luật dân sự 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là quan hệ tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”, bị đơn là ông Trần Xuân A có nơi cư trú tại K Hải Phòng, tổ B, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Trần Xuân A và Công ty TNHH MTV M đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nói trên theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào ngày 05/6/2022 tại thời điểm này Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bị đơn ông Trần Xuân A vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các lần lấy lời khai, thông báo hòa giải và công khai chứng cứ, thông báo kết quả công khai chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Trần Xuân A vẫn không có mặt cũng như không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để giải quyết vụ án. Do đó ông Trần Xuân A đã tự từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

[5] Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 05/6/2022 có thể hiện nội dung: “*Tôi tên là Trần Xuân A.....có mượn của anh Nguyễn Ái H số tiền 60.000.000 đồng.....tôi cam đoan trả lại số tiền mượn trên cho anh H vào ngày 09/6/2022*”. Bên cạnh đó, tại tài liệu chứng cứ là file ghi âm vào 0:03:05 thì ông A có khẳng định “*em là người cầm tiền của anh thì em chắc chắn phải trả tiền cho anh. Được chưa...*”

Từ những phân tích nêu trên thì Hội đồng xét xử xác định bản chất của khoản mượn tiền này là của cá nhân ông A, không có liên quan đến Công ty

TNHH MTV M. Tuy nhiên, tại giấy mượn tiền ngày 05/6/2022 giữa cá nhân ông A và ông H không thể hiện lãi suất cho vay là bao nhiêu, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn xin thay đổi yêu cầu về nội dung lãi suất, cụ thể yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết về phần lãi suất từ ngày 10/6/2022 đến 30/9/2023 đối với số tiền gốc 60.000.000 đồng theo mức lãi suất pháp luật quy định. Xét giấy mượn tiền ngày 05/6/2022 có xác nhận của ông A và ông H thì không thể hiện mức lãi suất, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 4 Điều 466 xác định đây là khoản vay không có lãi nên ông A chỉ chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự với mức lãi suất là 50% của mức lãi suất không vượt quá 20%/năm, tức là 10%/năm. Theo đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 463; 466; 470 Bộ luật dân sự buộc ông A phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, nợ lãi tính từ 10/6/2022 đến 30/9/2023 là: $[60.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng}) \times 15 \text{ tháng}] + [60.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/12 \text{ tháng}/30 \text{ ngày}) \times 20 \text{ ngày}] = 7.500.000 \text{ đồng} + 333.333 \text{ đồng} = 7.833.333 \text{ đồng}$

[6] Đối với quan điểm và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay. Hội đồng xét xử xét thấy là có cơ sở, nên được xem xét chấp nhận.

[7] Án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ái H được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn ông Trần Xuân A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án với số tiền là 3.391.666 đồng (*Ba triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ái H đối với ông Trần Xuân A.

Buộc ông Trần Xuân A có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Ái H số tiền là **67.833.333 đồng**; trong đó nợ gốc: 60.000.000 đồng, nợ lãi tính từ ngày 10/6/2022 đến 30/9/2023 là: 7.833.333 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Trần Xuân A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.391.666 đồng (*Ba triệu, ba trăm chín mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng*).

+ Hoàn trả cho ông Nguyễn Ái H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.040.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000150 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Ánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ